

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2018/DS-ST
Ngày 16-11-2018
V/v tranh chấp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018 về “tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 355/2018/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng O, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp TP, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ; cùng cư trú: Ấp TĐA, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Hoàng O trình bày:

Ông có tham gia một dây hội do ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ làm chủ, dây hội mở ngày 09/3/2014 al, loại hội 5.000.000 đồng, một tháng khai một lần, dây hội gồm có 29 chung, ông O tham gia một chung, ông đóng hội đến khi mãn với số tiền 140.000.000 đồng, trừ tiền huê hồng cho chủ hội 3.000.000 đồng, còn lại 137.000.000 đồng. Sau đó, ông T và bà Đ có giao tiền hội cho ông nhiều lần, hiện nay còn nợ lại 54.000.000 đồng. Ông T, bà Đ từ khi mãn hội đến nay cũng không có đóng khoản tiền lãi nào đối với việc chậm chung hội cho ông O.

Khi mở chủ hui có giao kèo với tay em đóng trễ thì lãi suất 10%/tháng, đầu thảo chung trễ phải chịu lãi suất 5%/tháng.

Ông Nguyễn Hoàng O yêu cầu ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ trả cho ông số tiền nợ hui 54.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà thừa nhận ông O có tham gia một chung hui trong dây hui 5.000.000 đồng mở ngày 09/3/2014 al do bà làm chủ và hiện nay còn thiếu ông O số tiền 54.000.000 đồng. Bà xác định có đóng lãi chậm giao tiền hui cho ông O số tiền 12.000.000 đồng, khi giao tiền lãi không có làm biên nhận. Bà đồng ý trả số tiền 54.000.000 đồng theo như yêu cầu khởi kiện của ông O nhưng yêu cầu được trả dần với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Võ Trung T nhưng ông vẫn vắng mặt và không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng O và bà Nguyễn Thị Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ông Võ Trung T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[2] Về số tiền nợ hui:

Theo giấy hợp đồng hui và lời trình bày của ông O, bà Đ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ông O có tham gia một chung hui trong dây hui mở ngày 09/3/2014 al do bà Đ làm chủ, loại hui 5.000.000 đồng, một tháng khai một lần, dây hui gồm có 29 chung, ông O tham gia một chung.

Đối với số tiền lãi chậm giao hui: Bà Đ cho rằng bà có đóng lãi chậm giao tiền hui cho ông O số tiền 12.000.000 đồng, ông O không thừa nhận có nhận số tiền lãi trên. Xét thấy, tại đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà Đ xác định việc giao nhận tiền lãi không có làm biên nhận, ông O không thừa nhận có nhận số tiền lãi trên và bà không đưa ra được chứng cứ chứng minh ông O có nhận số tiền lãi 12.000.000 đồng, nên không đủ cơ sở xác định ông O có nhận số tiền lãi chậm giao hui 12.000.000 đồng từ bà Đ.

Đối với ông T, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông không có ý kiến giải trình liên quan đến số tiền nợ hui theo yêu cầu khởi kiện của ông O và thời gian bà Đ mở hui quan hệ giữa ông bà là vợ chồng.

Xét thấy, giao dịch hui giữa ông O với bà Đ là thực tế có xảy ra, trên cơ sở tự nguyện, nhằm mục đích tương trợ giữa những người tham gia góp hui và phù hợp với quy định của pháp luật nên được bảo vệ. Ông O và bà Đ đều xác định phía

bị đơn còn nợ ông O số tiền 54.000.000 đồng. Theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định ông T và bà còn nợ ông O số tiền 54.000.000 đồng.

[3] Về phương thức trả nợ: Bà Đ đồng ý trả cho ông O số tiền 54.000.000 đồng nhưng yêu cầu được trả dần. Xét thấy: Theo Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường quy định chủ hộ phải có nghĩa vụ giao các phần hộ cho thành viên được lĩnh hộ và theo yêu cầu khởi kiện của ông O, yêu cầu bà Đ và ông T trả số tiền 54.000.000 đồng nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu được trả dần số nợ trên của bà Đ.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông O, buộc bà Đ và ông T phải trả cho ông O số tiền nợ hội 54.000.000 đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông O không phải chịu. Bà Đ và ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng O. Buộc bà Nguyễn Thị Đ và ông Võ Trung T phải trả cho ông Nguyễn Hoàng O số tiền nợ hội 54.000.000 đồng (năm mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Võ Trung T phải chịu 2.700.000 đồng (chưa nộp). Ông Nguyễn Hoàng O không phải chịu, ông O đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.350.000 đồng tại biên lai thu số 0009781 ngày 24/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Hoàng O, bà Nguyễn Thị Đ và ông Võ Trung T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng